

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 30/2023/HS-ST

Ngày: 29-6-2023.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Bé Thi.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Đức.

2. Ông Đặng Thanh Liêm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Tiểu Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:*
Ông Dương Ngọc Sử – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23, 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HS ngày 07-6-2023 đối với các bị cáo:

1. K, sinh năm 1964 tại tỉnh An Giang. Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện S, tỉnh An Giang. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông C và bà V (đã chết); bị cáo có chồng và 02 con (lớn nhất sinh năm 1983 đã chết, nhỏ nhất sinh năm 1989); tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09-12-2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. P (tên gọi khác: P1), sinh năm 1986 tại tỉnh An Giang. Nơi thường trú: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã G, huyện S, tỉnh An Giang (nhưng bị cáo không khai báo tạm trú với chính quyền địa phương xã G). Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông S và bà N; bị cáo có chồng (đã sống ly thân) và 02 con (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2014); tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09-12-2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo K: Ông G – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

Bị hại: N (đã chết), sinh năm 1976; nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện S, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Anh T, sinh năm 2002; nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện S, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp S, xã C, huyện U, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông H, sinh năm 1964; nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện S, tỉnh An Giang (có mặt).

Người làm chứng:

- Ông T1, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp H, xã K, huyện S, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Anh B, sinh năm 1997; nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện S, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 02/10/2022, bị cáo P biết ông N đã uống bia nhưng vẫn giao xe mô tô biển số 67M1-554.38 cho ông N điều khiển chở P và D sinh năm 2014 con của P trên đường tỉnh 943, hướng S – T. Khi đến khu vực ấp H, xã T, huyện S, xảy ra va chạm với xe mô tô biển số 67L9-9947 do bị cáo K điều khiển một mình cùng chiều đang chuyển hướng sang trái đường nhưng không chú ý quan sát xe chạy cùng chiều làm 02 xe mô tô và 04 người ngã xuống đường. Ông N, bị cáo K được đưa đến Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang cấp cứu, điều trị; N tử vong, còn P, D được đưa đến Trung tâm y tế huyện S cấp cứu, điều trị.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông xảy ra khoảng 17 giờ ngày 02-10-2022, do Cơ quan CSĐT Công an huyện S, tỉnh An Giang thực hiện có kết quả như sau:

Xảy ra trên đường ĐT 943, cách cầu Kinh H nhìn về hướng đi S khoảng 100m, thuộc khu vực gần điểm ngắt của dây phân cách cứng.

Mặt đường được trải nhựa tương đối bằng phẳng, giữa đường có dây phân cách cứng bằng bê tông chia thành 02 phần đường xe chạy riêng biệt; mỗi phần đường có vạch kẻ đường đứt quãng màu trắng ở giữa chia thành 02 làn đường xe chạy. Phần đường bên phải (hướng S – T) rộng 6,2m, tầm nhìn không bị che khuất; phần đường ngược chiều rộng 6,6m, tầm nhìn thông thoáng không bị che

khuất. Điểm ngắt dây phân cách rộng 20cm, có vạch ký hiệu dành cho người đi bộ. Đường có hệ thống chiếu sáng (các trụ đèn điện).

Chọn trụ điện bê tông số 476-478/TS/48 nằm bên trái đường ĐT 943 (hướng S – T) làm điểm mốc cố định và mép lề trái đường ĐT 943 (theo hướng S – T) làm lề chuẩn.

Hiện trường được đánh số thứ tự từ 01 đến 07, cụ thể:

Vị trí số 01: Vết màu nâu (nghi máu), kích thước (0,8 x 0,5)m nằm thuộc phần đường bên phải, tâm vết cách lề chuẩn 8,6m, tâm vết cách điểm bắt đầu khoảng ngắt của dây phân cách cứng 3,5m.

Vị trí số 02: Vết cày không liên tục, dạng thẳng, hướng S – T). Điểm đầu vết cày cách tâm vị trí số 01 là 1,2m, cách lề chuẩn 9,8m. Điểm cuối vết cày kết thúc tại đầu nơi đập chống xe giữa của xe mô tô biển số 67L9- 9947, kích thước (0,75 x 0,005)m.

Vị trí số 03: Vết cày dạng thẳng, không liên tục, hướng S – T). Điểm đầu vết cày cách điểm đầu vết cày vị trí số 02 là 0,4m, cách lề chuẩn 9,6m; Điểm cuối vết cày kết thúc tại góc chân sau bên trái xe mô tô biển số: 67L9-9947, kích thước (0,5 x 0,005)m.

Vị trí số 04: Xe mô tô biển số 67L9-9947 ngã nằm nghiêng bên trái trên mặt đường nhựa thuộc phần đường bên phải, đầu xe quay về hướng đi xã T, đuôi xe quay về hướng S. Trục sau cách mốc chuẩn 12,1m, cách lề chuẩn 9,8m. Trục trước cách lề chuẩn 10,65m (nằm thuộc phần đường bên phải).

Vị trí số 05: Vết cày dạng thẳng, không liên tục, hướng S – T) và từ phải sang trái. Điểm đầu vết cày cách trục sau vị trí số 04 là 2,9m, cách lề chuẩn 8,1m, nằm thuộc phần đường bên phải. Điểm kết thúc vết cày tại ốp kim loại giảm thanh của xe mô tô biển số 67M1-554.38 thuộc phần đường bên trái, kích thước (30,7 x 0,005)m.

Vị trí số 06: Vết màu nâu đỏ (nghi máu), kích thước (0,6 x 0,4)m, tâm vết cách đầu điểm vết cày (vị trí số 05) là 14,9m, cách lề chuẩn là 5,6m.

Vị trí số 07: Xe mô tô biển số: 67M1-554.38 ngã nằm nghiêng bên phải thuộc phần đường bên trái, đầu xe quay về hướng trạm xăng dầu “Phát Lộc”, đuôi xe quay về hướng đường ĐT 943. Trục sau cách vị trí số 06 về hướng lề trái (lề chuẩn) là 15m và ngay lề chuẩn, cách mốc chuẩn là 32m, cách trục sau vị trí số 04 là 35,4m. Trục trước cách lề chuẩn là 1,35m. (vị trí số 06, số 07 nằm thuộc phần đường bên trái).

Các biên bản khám phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông ngày 02/10/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện S, ghi nhận:

- **Xe mô tô biển số 67L9-9947**, ghi nhận các dấu vết sau:

+ Gãy khớp kết nối mặt nạ trước và cánh yển bên trái, cách nền 0,75m; + Chấn bụn trước bị lệch sang trái góc 30;

+ Cong chân ba, cong từ trước ra sau bộ phận giảm sóc 1/3 trên bên trái, cách nền 0,55m (hướng từ trước ra sau);

+ Bể vỡ hoàn toàn cánh yển bên trái;

+ Vết trầy xước mặt ngoài 1/3 dưới bộ phận giảm sóc trước bên trái;

+ Gãy rời đầu dây đồng hồ (dây công tơ mét) với trục trước bên trái;

+ Trầy xước làm mài mòn kim loại đầu gác chân trước bên trái, kích thước (1,2 x 1,2)cm, cách nền 0,35m;

+ Trầy xước làm mài mòn kim loại tại mặt dưới gác chân trước bên trái, kích thước (2,3 x 1)cm, cách đầu gác chân 13cm, cách nền 0,225m;

+ Trầy xước làm mài mòn kim loại đầu chân đạp để chống xe bên trái, kích thước (01 x 01)cm;

+ Trầy xước làm mài mòn kim loại hướng từ trên xuống và từ trước ra sau, kích thước (16,5 x 1,5)cm tại mặt ngoài bên trái giá đỡ nâng xe.

- **Xe mô tô biển số 67M1-554.38**, ghi nhận các dấu vết sau:

+ Vết trầy xước mất sơn, hướng từ trái qua phải, kích thước (21 x 16)cm tại ốp nhựa trước đồng hồ, cách nền 1,1m;

+ Càng tay phanh trước bằng kim loại bị gãy khỏi vị trí ban đầu;

+ Vết trầy xước làm mài mòn kim loại, kích thước (2,5 x 5)cm tại mặt trên bình dầu phanh trước;

+ Bể vỡ hoàn toàn ốp nhựa đèn chiếu sáng + đèn tín hiệu rẽ phải, cách nền 0,75m;

+ Bể vỡ + mài mòn ốp nhựa mặt nạ trước bên phải;

+ Bể vỡ hoàn toàn cánh yển nhựa bên phải;

+ Vết mài mòn kim loại, mất sơn tại mặt trước 1/3 dưới bộ phận giảm sóc trước bên phải, kích thước (2,3 x 1,3)cm, cách nền 26cm;

+ Vết trầy xước cao su hướng từ trước ra sau, kích thước (10 x 06)cm + rách cao su lốp, kích thước (5,5 x 4)cm tại bên phải lốp trước, ngay dòng chữ

"INOUE";

+ Vết mài mòn kim loại, hướng từ trước ra sau, kích thước (5,2 x 0,2)cm tại

bên phải niềng trước, cách tâm vòm 45cm;

+ Vết trầy xước mặt ngoài lớp kim loại bộ phận giảm thanh, kích thước (38 x 6,5)cm hướng từ trên xuống dưới và từ trước ra sau, cách nền 31cm;

+ Vết trầy xước mặt kim loại, hướng từ trên xuống + từ trước ra sau, kích thước (4 x 0,5)cm tại mặt ngoài bên phải giá đỡ nâng xe.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 334/22/TT ngày 03/10/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang kết luận:

- Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Sây sát + vết thương rải rác nhiều nơi trên cơ thể.

+ Trần khí dưới da vùng ngực trái.

+ Bầm máu ngực trái.

+ Sờ nắn lạo xạo xương sườn bên phải và trái.

+ Bầm tụ máu dưới da vùng ngực trái.

+ Gãy cung trước xương sườn số II – III — IV – V bên phải.

+ Gãy cung trước xương sườn số V – VI – VII bên trái.

+ Gãy cung bên xương sườn số VII – IX – X – XI - XII bên trái.

+ Khoảng màng phổi hai bên đầy máu loãng.

+ Dập rạch thùy giữa – thùy dưới phổi phải.

+ Dập rạch thùy trên – thùy dưới phổi trái.

+ Rách rộng màng ngoài tim.

+ Tim vỡ phức tạp. Buồng tim phải ít máu cục, buồng tim trái rỗng.

Nguyên nhân chết: Sốc đa chấn thương, sốc mất máu cấp.

Phiếu kết quả xét nghiệm của Trung tâm y tế huyện S vào ngày 03/10/2022, ghi nhận N sinh năm 1976, địa chỉ xã T, huyện S, tỉnh An Giang có định lượng Ethanol (còn) máu là 2.23g/l.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 21-10-2022 xác định K có vết thương ngay mặt sau khuỷu tay phải, kt (5,2 x 1,7)cm; vết thương hở tại mặt trong ½ cẳng chân trái, kt (4,6 x 2,1)cm.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 24-10-2022 xác định Pường có vết thương sầm màu tại má trái, kt (2 x 2)cm, vết thương đã cũ, sầm màu, kt (5,5 x 2)cm ngay hông phải, vết thương đã cũ mặt trong 1/3 trên cẳng tay phải, kt (4 x 0,5)cm, vết thương đã cũ, sầm màu tại mặt ngoài từ ½ cẳng chân phải đến 1/3 dưới cẳng chân phải, kt (25 x 3,5)cm.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô biển số 67L9-9947, nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen, số máy: 0155232, số khung: 012553;
- 01 (một) xe mô tô biển số 67M1-554.38, nhãn hiệu Honda, màu đen cam, số máy: 0312528, số khung: 270263;
- 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số N817107, tên K.

Tại cơ quan điều tra,

Bị cáo K khai nhận: Bị cáo có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 điều khiển xe mô tô biển số 67L9-9947 chuyển hướng không quan sát dẫn đến ông N điều khiển xe mô tô biển số 67M1-554.38 chở bị cáo P, D va chạm làm ông N đa chấn thương tử vong.

Bị cáo P khai nhận: Bị cáo biết rõ ông N đã sử dụng bia nhưng vẫn giao xe mô tô biển số 67M1- 554.38 của bị cáo cho ông N điều khiển va chạm với xe mô tô do bị cáo K điều khiển làm ông N đa chấn thương tử vong.

Người đại diện hợp pháp của bị hại là anh T khai nhận: Anh là con ruột của ông N và bà H, ông N và bà H đã ly hôn. Ngày 02-10-2022, ông N xảy ra tai nạn giao thông và đã tử vong, anh là người con duy nhất của ông N, anh không yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự và không yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo K, bị cáo P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H khai nhận: Ông là chồng của bị cáo K, xe mô tô biển số 67L9-9947 là của ông mua và đứng tên sở hữu; sau khi bị cáo K xảy ra va chạm giao thông thì ông mới biết sự việc, ông xin nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường chi phí sửa xe.

Người làm chứng ông T1 khai nhận: Ông là người đứng tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 67M1-554-38 đến năm 2022, ông bán xe trên lại cho bị cáo P có làm giấy tờ mua bán nhưng chưa sang tên chủ sở hữu; nay xe đã bán cho bị cáo P nên ông không yêu cầu gì.

Người làm chứng anh B khai nhận: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 02/10/2022, anh làm việc tại cây xăng L thì nghe tiếng va chạm giao thông ngoài đường tỉnh 943, đối diện cây xăng dầu Phát Lộc, anh thấy 02 xe mô tô và 04 người ngã xuống đường nhựa, còn va chạm như thế nào không biết.

Tại Cáo trạng số 27/CT-VKSTS-HS ngày 29-3-2023, bị cáo K bị Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh An Giang truy tố về tội: “ *Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm

2015; bị cáo P bị Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh An Giang truy tố về tội: “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 1 Điều 264 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa,

Bị cáo K, bị cáo P khai nhận về hành vi các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S đã truy tố đối với các bị cáo. Bị cáo P xin nhận lại xe để làm phương tiện sinh sống hàng ngày của bị cáo, bị cáo K xin tự nguyện khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại N với số tiền là 10.000.000 đồng; các bị cáo không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H vẫn giữ nguyên lời khai như tại Cơ quan điều tra, ông xin được nhận lại xe mô tô biển số 67L9-9947, không yêu cầu bồi thường chi phí sửa xe.

Người đại diện hợp pháp của bị hại là anh T, người làm chứng ông T1, anh B vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 **khoản 2** Điều 51; Điều **65** của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo K từ 01 đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo; ấn định thời gian thử thách từ 02 năm đến 04 năm.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; điểm **i, s** khoản 1 **khoản 2** Điều 51; Điều **36** của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo P từ 01 đến 02 năm cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

- Về vật chứng của vụ án: Đề nghị trả lại cho các bị cáo và người lên quan.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo K bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho đại diện gia đình bị hại; ngoài ra, không ai yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không đặt ra xem xét.

- Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa:

Cáo trạng truy tố hành vi của bị cáo K là đúng với tính chất phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Vụ tai nạn xảy ra do lỗi của các bên và có lỗi của bị hại, bị cáo có trình độ nhận thức pháp luật thấp và có nơi cư trú rõ ràng, sau khi sự việc xảy ra bị cáo có đến gia đình bị hại để hỗ trợ khắc phục nhưng gia đình bị hại thường xuyên đóng cửa nhà nên không gặp được. Ngoài ra, cần ghi nhận sự tự nguyện khắc phục hậu quả của bị cáo K tại phiên tòa hôm nay. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo K được hưởng án treo ở mức thấp nhất trong khung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo K: Bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo P: Bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện S, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại là anh T, người làm chứng ông T1 và anh B vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận, khoảng 17 giờ ngày 02-10-2022, bị cáo P biết rõ ông N đã sử dụng

rượu, bia (nồng độ cồn trong máu 2.23g/l) là người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ nhưng bị cáo có hành vi giao xe mô tô biển kiểm soát 67M1-554.38 của bị cáo cho ông N điều khiển trên làn đường ngoài cùng xảy ra va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 67L9-9947 do bị cáo K điều khiển đang chuyển làn có bật đèn tín hiệu nhưng thời gian chuyển làn đường đột ngột sang làn xe khác không quan sát khiến phương tiện chạy cùng chiều phía sau không kịp xử lý dẫn đến tai nạn giao thông xảy ra, hậu quả là làm cho ông N tử vong, bị cáo K, bị cáo P và cháu D bị xây xác nhẹ. Lời khai nhận của các bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của đại diện người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo K phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo P phạm tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng đã xâm phạm đến tính mạng của người khác, mặt khác còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự xã hội ở địa phương trong lĩnh vực giao thông đường bộ. Đây là loại tội phạm xảy ra nhiều trên địa bàn huyện hiện nay. Các bị cáo không ý thức được việc điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải chấp hành nghiêm quy định về an toàn giao thông, nhất là Luật giao thông đường bộ, bản thân bị cáo K tuy chuyển làn đường có bật đèn tín hiệu nhưng thời gian chuyển đột ngột và không quan sát phương tiện chạy cùng chiều, không bảo đảm an toàn đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật giao thông đường bộ; đối với bị cáo P biết rõ ông N đã sử dụng rượu, bia không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ nhưng vẫn giao xe cho ông N điều khiển đã vi phạm khoản 10 Điều 8 của Luật giao thông đường bộ. Hậu quả làm cho ông N chết, lỗi trong vụ án này có một phần do bị hại ông N đã sử dụng rượu, bia điều khiển phương tiện không đúng làn đường quy định và một phần lỗi do các bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật về giao thông đường bộ nên gây tai

nạn. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đại diện gia đình bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo K tự nguyện khắc phục hậu quả; bị cáo P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4.3] Về nhân thân: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt.

[5] Với tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà **giao các bị cáo về địa phương giám sát giáo dục cũng đủ để cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội**. Bị cáo K có nơi cư trú rõ ràng. Đối với bị cáo P, bị cáo đăng ký địa chỉ thường trú tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, hiện nay bị cáo sống tại ấp B xã G, huyện S, tỉnh An Giang nhưng bị cáo không khai báo tạm trú với chính quyền địa phương xã G nên cần giao bị cáo P cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh giám sát giáo dục bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện khắc phục hậu quả của bị cáo K cho đại diện gia đình bị hại với số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), đại diện hợp pháp của bị hại là anh T; bị cáo K; bị cáo P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H không yêu cầu bồi thường; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- 01 (một) xe mô tô biển số 67L9-9947, nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen, số máy: 0155232, số khung: 012553; đây là tài sản thuộc sở hữu của ông H nên cần trả lại cho ông H.

- 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số N817107, tên K; trả lại cho bị cáo K.

- 01 (một) xe mô tô biển số 67M1-554.38, nhãn hiệu Honda, màu đen cam, số máy: 0312528, số khung: 270263; đây là tài sản và là phương tiện duy nhất

sinh sống hàng ngày nên cần trả lại cho bị cáo P.

[8] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Riêng bị cáo P, không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập chủ yếu lệ thuộc vào việc đi làm thuê hàng ngày để trang trải cuộc sống và nuôi con nhỏ nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình thức khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo để sung quỹ nhà nước trong thời gian chấp hành án.

[9] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Xét lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo K là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S phân tích về tính chất mức độ phạm tội, đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và đề nghị tội danh, điều luật áp dụng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo K phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, bị cáo P phạm tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*”.

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, **Điều 65** Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo K 01 (*một*) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 02 (*hai*) năm, tính từ ngày 29-6-2023.

Giao bị cáo K cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo K cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo K phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo K thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo K phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 264; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, **Điều 36** Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo P 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện C nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo P cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo P có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án Hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo P.

3. Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện khắc phục hậu quả của bị cáo K cho đại diện hợp pháp của bị hại là anh T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

4. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo K: 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số N817107, tên K.

- Trả lại cho bị cáo P: 01 (một) xe mô tô biển số 67M1-554.38, nhãn hiệu Honda, màu đen cam, số máy: 0312528, số khung: 270263.

- Trả lại cho ông H: 01 (một) xe mô tô biển số 67L9-9947, nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen, số máy: 0155232, số khung: 012553.

5. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo K, P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo K, bị cáo P, ông H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại là anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Cơ quan điều tra CA huyện S;
- Cơ quan THAHS huyện S;
- UBND xã T;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Bé Thi